

4. NGÀNH DÂN TỘC HỌC

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo**
- Tiếng Việt: Dân tộc học
- Tiếng Anh: Ethnology
- **Mã ngành đào tạo: 60 31 03 10**
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- **Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp**
- Tiếng Việt: Thạc sĩ Dân tộc học
- Tiếng Anh: Master of Arts in Ethnology

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Học viên cao học sẽ được trang bị những kiến thức mở rộng và nâng cao kiến thức bậc đại học cả về mặt lý thuyết, các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, các kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành dân tộc học với sự cập nhật thông tin về những vấn đề dân tộc học cả lịch đại và đương đại liên quan đến các dân tộc ở Việt Nam và thế giới. Trau dồi khả năng tư duy độc lập, tư duy phản biện về những vấn đề nghiên cứu của dân tộc học.
- Học viên cao học được trang bị những kỹ năng chuyên sâu để tác nghiệp trong nghiên cứu và ứng dụng của dân tộc học vào ngành nghề và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, học viên cao học còn được trang bị các kỹ năng làm việc nhóm, thực hành công tác cộng đồng, kỹ năng giao tiếp với các tổ chức, cơ quan có liên quan trong công tác nghiên cứu và các lĩnh vực ứng dụng của dân tộc học.
- Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ dân tộc học có khả năng:
 - + Độc lập đảm nhận công tác đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu và kỹ năng nghiên cứu chuyên ngành Dân tộc học trong các lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở các trường đại học và các viện nghiên cứu.
 - + Thực hiện các công việc: nghiên cứu, tư vấn, thẩm định, đánh giá các dự án, các chương trình đầu tư phát triển trong nước và quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc, tôn giáo giáo dục, môi trường... trong các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước

3. Đối tượng tuyển sinh

- **Ngành phù hợp:** Xã hội học, Nhân học, Dân tộc học

- **Ngành gần:** Tâm lí học, Địa lí học, Bản đồ học, Châu Á học, Đông Phương học, Văn hóa học, Quản lí văn hóa, Quản lí thể dục thể thao
- **Ngành khác thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn:** Lịch sử, Triết học, Giáo dục học, Báo chí, Văn học, Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Ấn Độ học, Việt Nam học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Nhật Bản học, Quan hệ quốc tế, Văn hóa dân tộc, Chính sách công, Quản lí nhà nước, Công tác xã hội, Đô thị học, Du lịch, Tôn giáo học, Quy hoạch quản lí đô thị, Kinh tế phát triển, Phát triển nông thôn, Y tế công cộng, Khoa học môi trường, Nông lâm, Ngữ Văn Anh, Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức.
- **Danh mục các môn học bổ sung kiến thức đối với ngành gần: 10 TC**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lịch sử các trường phái lý thuyết trong Dân tộc học/Nhân học	3	
2	Tộc người và văn hóa tộc người	2	
3	Nhân học tôn giáo	3	
4	Nhân học đại cương	2	
	Tổng cộng:	10	

- **Danh mục các môn học bổ sung kiến thức đối với ngành khác (thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân Văn): 15 TC**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lịch sử các trường phái lý thuyết trong Dân tộc học/Nhân học	3	
2	Tộc người và văn hóa tộc người	2	
3	Nhân học tôn giáo	3	
4	Nhân học đại cương	2	
5	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	
6	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3	
	Tổng cộng:	15	

Học viên phải thi đạt với số điểm tối thiểu từ 5 điểm trở lên mới được xét nộp hồ sơ xét tuyển.

4. Chuẩn đầu ra

Về kiến thức G1	Về kỹ năng G2	Mức tự chủ và trách nhiệm G3
G1.1 Có kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.	G2.1 Làm chủ kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	G3.1 Độc lập trong nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
G1.2 Vận dụng tốt kiến thức liên ngành có liên quan.	G2.2 Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với đồng nghiệp và cộng đồng.	G3.2 Có năng lực thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
G1.3 Nắm vững kiến thức chung về quản trị và quản lý.	G2.3 Có kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	G3.3 Có năng lực đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
	G2.4 Làm chủ kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	G3.4 Có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn
	G2.5 Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	

5. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bố giảng dạy các kỹ năng vào các môn học)

Học kỳ	Tên môn học	Chuẩn đầu ra		
		G1	G2	G3

1	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng)	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
1	Quy trình thiết kế và tổ chức một dự án nghiên cứu	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
2	Một số vấn đề tộc người, quan hệ tộc người ở Việt nam hiện nay	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
2	Tôn giáo vào những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
2	Những biến đổi kinh tế-xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
2	Thân tộc, hôn nhân và gia đình các dân tộc Việt Nam	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Vấn đề toàn cầu hóa trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Vấn đề giới trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Dân tộc học - Nhân học kinh tế trong bối cảnh đương đại	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về phát triển bền vững	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Phân tầng xã hội và đô thị hóa ở Việt Nam	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Seminar về các vấn đề nghiên cứu đương đại	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Sinh thái nhân văn, các vấn đề lý thuyết và ứng dụng	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2
3	Du lịch sinh thái và sự phát triển bền vững	G1.1 G1.2	G2.1 G2.2	G3.1 G3.2

3	Kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	G1.1	G2.1	G3.1
		G1.2	G2.2	G3.2
3	Các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam	G1.1	G2.1	G3.1
		G1.2	G2.2	G3.2
4	Luận văn Thạc sĩ	G1.2	G2.3	G3.3

6. Thời gian đào tạo theo thiết kế chương trình

Thời gian đào tạo: 2 năm: 60 TC, áp dụng với ngành đại học có CTĐT từ 120 TC trở lên (Điều 4, “Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ”, được ban hành kèm theo QĐ 160/QĐ-ĐHQG, ngày 24/3/2017)

7. Điều kiện tốt nghiệp

Theo “Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ”, được ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHQG ngày 24/3/2017 của ĐHQG-HCM.

8. Loại chương trình đào tạo

- *Thạc sĩ định hướng nghiên cứu*

9. Nội dung chương trình đào tạo

a) **Khái quát chương trình:** *nêu rõ các học phần và số tín chỉ yêu cầu học viên phải hoàn thành để được xét tốt nghiệp, bao gồm:*

- **Phần kiến thức chung: 04 tín chỉ**

+ Triết học: 04 Tín chỉ

- **Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: 39 tín chỉ**

+ Các học phần bắt buộc: 21 tín chỉ

+ Các học phần lựa chọn: 18 tín chỉ

- **Đề cương và luận văn: 17 tín chỉ**

+ Luận văn: 17 tín chỉ

b) **Danh mục các môn học:** *liệt kê toàn bộ các môn học thuộc nội dung CTĐT theo các đề mục: mã số môn học, tên môn học, khối lượng tính bằng tín chỉ (lý thuyết; thực hành, thí nghiệm hoặc tiểu luận). Riêng môn học ngoại ngữ cần ghi rõ tên ngoại ngữ).*

Mã số môn học do CSĐT xây dựng nhằm phục vụ cho việc quản lý CTĐT. Có thể dùng chữ và số hoặc số để mã hóa học phần/môn học, số ký tự mã hóa do CSĐT quy định.

DANH MỤC CÁC MÔN HỌC

TT	Mã số học phần/ môn học	Học kỳ	Tên học phần/môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
				Tổng số	LT	TH, TN, TL
I			Khối kiến thức chung (bắt buộc)	04		
1		1	Triết học	04		
II			Phần kiến thức cơ sở và ngành	39		
II.1			Các học phần bắt buộc	21		
1	DTH-501	1	Các lý thuyết trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học	3	2	1
2	DTH-502	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng)	3	2	1
3	DTH-503	1	Quy trình thiết kế và tổ chức một dự án nghiên cứu	3	1	2
4	DTH-504	2	Một số vấn đề tộc người, quan hệ tộc người ở Việt nam hiện nay	3	2	1
5	DTH-505	2	Tôn giáo vào những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam	3	2	1
6	DTH-506	2	Những biến đổi kinh tế-xã hội và văn hóa của các tộc người ở Việt Nam	3	2	1
7	DTH-507	2	Thân tộc, hôn nhân và gia đình các dân tộc Việt Nam	3	1,5	1,5
II.2			Các học phần lựa chọn (chọn 18 tín chỉ trong tổng số 33)	18		
1	DTH-508	3	Vấn đề toàn cầu hóa trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	3	2	1
2	DTH-509	3	Vấn đề giới trong nghiên cứu Dân tộc học – Nhân học	3	2	1

3	DTH-510	3	Dân tộc học - Nhân học kinh tế trong bối cảnh đương đại	3	2	1
4	DTH-511	3	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về phát triển bền vững	3	2	1
5	DTH-512	3	Phân tầng xã hội và phân tầng ở Việt Nam	3	2	1
6	DTH-513	3	Seminar về các vấn đề nghiên cứu đương đại	3	1,5	1,5
7	DTH-514	3	Dân tộc học - Nhân học nghiên cứu về bảo tồn và phát triển văn hóa	3	2	1
8	DTH-515	3	Sinh thái nhân văn, các vấn đề lý thuyết và ứng dụng	3	2	1
9	DTH-516	3	Du lịch sinh thái và sự phát triển bền vững	3	2	1
10	DTH-517	3	Kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	3	2	1
III			<i>Đề cương và luận văn Thạc sĩ</i>	17		
III.1	DTH-518	4	Luận văn Thạc sĩ	17		17
			Tổng cộng	60		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2017
Trưởng Khoa Nhân học

TS. Huỳnh Ngọc Thu